TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 27 / 11 /2020.
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Phong.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Quang Hoạch và ông Doãn Đức Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hà – Thư ký Tòa án.

- Đại diện VKSND huyện Trảng Bom tham gia phiên tòa: Ông Lê Trọng Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 612/2020/TLST – HNGĐ, ngày 05 tháng 8 năm 2020, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2020/QĐXX-ST, ngày 22 tháng 10 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 111/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09/11/2020, giữa các đương sự:

NgU đơn: Chị Trần Thị Tú U, sinh năm 1982.

Bị đơn: Anh Tống Phi H, sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: xóm 8, Khu 3, ấp An Bình, xã Trung Hòa, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

(Chị U có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, trong quá trình chuẩn bị xét xử ngU đơn chị Trần Thị Tú U trình bày:

Chị và anh Tống Phi H tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trung Hòa, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai vào ngày 04/4/2005.

Vợ chồng chung sống có hai con chung là Tống Khánh L, sinh ngày 20/10/2005 và Tống Gia H, sinh ngày 07/9/2009.

Nguyên nhân xin ly hôn do cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, bất đồng

quan điểm nên thường xảy ra mâu thuẫn, chửi bới lẫn nhau. Anh H không quan tâm, không có trách nhiệm đối với gia đình, thường xuyên uống rượu. Vì thương con nên chị vẫn cố gắng chịu đựng nhiều năm qua. Càng ngày mâu thuẫn càng trầm trọng hơn, khiến chị cảm thấy vô cùng ngột ngạt, ức chế. Chị và anh H đã sống ly thân từ tháng 12/2019, mỗi người tự lo cuộc sống riêng của mình. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chung sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tống Phi H.

Về con chung chị yêu cầu được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung và tạm thời không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung không có.

Do bị đơn anh Tống Phi H đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ, vắng mặt không có lý do tại phiên hòa giải, phiên tòa nên anh H không có ý kiến trình bày.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự Tòa án đã xác định đúng, trong quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ, ban hành, tống đạt các văn bản tố tụng Tòa án đã thực hiện đúng quy định. Tại tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung: Chị U và anh H chung sống có đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, theo các tài liệu có trong hồ sơ thì thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh H cũng không đến Tòa để làm việc như vậy anh H cũng không muốn hòa giải, nên cần chấp nhận cho chị U được ly hôn với anh H.

Về con chung: Giao cho chị U nuôi hai con chung là Tống Khánh L, sinh ngày 20/10/2005; Tống Gia H, sinh ngày 07/9/2009. Tạm thời anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị U khai không yêu cầu giải quyết; Nợ chung: Chị U khai không có. Buộc chị U nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền và tố tụng: Chị U có đơn xin ly hôn với anh H, cả hai cùng trú tại huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 - Bộ luật tố tụng dân sự vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom. Chị U có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Anh H đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng anh H vẫn vắng

mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, 228 - Bộ luật tố tụng dân sự, hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt chị U và anh H.

[2]. Về yêu cầu của đương sự: Chị U và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện năm 2005, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị U do cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cải, chửi nhau. Ngoài ra anh H sống không có trách nhiệm với gia đình, nên cả hai đã sống ly thân nhau từ tháng 12/2019.

Tại biên bản xác minh ngày 28/8/2020, địa phương nơi chị U và anh H sinh sống cho biết: Cuộc sống giữa vợ chồng chị U và anh H không hạnh phúc, thường cãi vã, chửi bới lẫn nhau. Lời khai của chị U phù hợp với nội dung biên bản xác minh của Tòa án (BL 21). Ngoài ra, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh H đến Tòa án làm việc, tham gia phiên họp, hòa giải, phiên tòa nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do, cho thấy rằng anh H không có thiện chí để Tòa án hòa giải và cũng không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Xét quan hệ hôn nhân giữa chị U và anh H mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, như vậy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ Điều 51, Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn xin ly hôn của chị U.

[3]. Về con chung: Xét thấy hiện chị U đang trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Tống Khánh L, sinh ngày 20/10/2005; Tống Gia H, sinh ngày 07/9/2009. Các cháu H, L có nguyện vọng được sống cùng chị U. Chính quyền địa phương cho biết chị U có công việc, thu nhập và chỗ ở ổn định, từ trước đến nay chị U trực tiếp nuôi con. Anh H không đến Tòa án làm việc cũng như không có văn bản thể hiện ý kiến của mình gửi cho Tòa án, điều đó thể hiện ý thức bỏ mặc cuộc sống hôn nhân, không quan tâm đến con cái. Nay chị U yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, phù hợp với pháp luật và nguyện vọng của các con chung nên cần chấp nhận.

[4]. Về tài sản chung các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[5]. Nợ chung: Đương sự khai không có, nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị U phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 - Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84- Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

TU xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Tú U, chị Trần Thị Tú U được ly hôn với anh Tống Phi H.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Tú U trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là Tống Khánh L, sinh ngày 20/10/2005 và Tống Gia H, sinh ngày 07/9/2009. Tạm thời anh Tống Phi H không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của anh Tống Phi H. Vì quyền lợi của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung đương sự khai không có, nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Tú U phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí DSST về việc ly hôn, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom theo biên lai thu số 0005595 ngày 05/8/2020 sang nộp án phí, chị U đã nộp đủ án phí.

5. Đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- Các đ/s;
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKS huyện;
- THADS huyện;
- Lưu h/s, VT.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Xuân Phong